

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 364/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27-10-2023
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Việt Xô.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Việt Thắng.

Ông Hồ Quang Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần văn Thời tham gia phiên tòa:
Bà Trần Hồng Cẩm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 357/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023 về “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 363/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Chí Q, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Mộng N, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Bé Ú, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Anh Nguyễn Văn T (có yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm G, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án anh Lê Chí Q trình bày: Anh và chị Nguyễn Mộng N tự nguyện thành hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ

yếu do bất đồng quan điểm, lối sống, dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau, vì không thể hàn gắn được nên anh và chị N đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2022 đến nay, nay anh yêu cầu ly hôn với chị N.

Thời gian chung sống, anh và chị N có 02 con chung tên Lê Hằng N1, sinh ngày 20/11/2011 và Lê Thiên L, sinh ngày 27/7/2015 hiện đang ở cùng anh. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu nuôi hai con chung, không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Anh và chị N có 10 chỉ vàng 18k.

Về nợ chung: Anh và chị N có nợ anh Nguyễn Văn T 70.000.000 đồng và có nợ anh Trần Bé Ú 22.000.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện anh có yêu cầu chia đôi tài sản chung và nợ chung. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh rút lại các yêu cầu này, không đặt ra yêu cầu chia tài sản chung và chia nợ chung.

Đối với chị Nguyễn Mộng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do và không có ý kiến phản hồi.

Đối với Lê Hằng N1 và Lê Thiên L là con chung của anh Q và chị N có nguyện vọng ở cùng anh Q.

Anh Trần Bé Ú có ý kiến: Số tiền 22.000.000 đồng anh Q và chị N nợ anh, anh không đặt ra yêu cầu trong vụ án này, sẽ khởi kiện sau nếu có tranh chấp.

Anh Nguyễn Văn T có ý kiến: Số tiền 70.000.000 đồng anh Q và chị N nợ anh, anh không đặt ra yêu cầu trong vụ án này, sẽ khởi kiện sau nếu có tranh chấp.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định. Đương sự có mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định, đối với đương sự vắng mặt không chấp hành theo quy định.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Lê Chí Q: Chấp nhận cho anh Lê Chí Q được ly hôn với chị Nguyễn Mộng N; anh Q nuôi hai con chung tên Lê Hằng N1 và Lê Thiên L hiện đang ở cùng anh, về cấp dưỡng cho con do anh Q không yêu cầu, nên không giải quyết; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung và chia nợ chung của anh Q; anh Q chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của anh Lê Chí Q được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Nguyễn Mộng N và anh Trần Bé Ú đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do; anh Nguyễn Văn T có yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt; căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Q và chị N được xác lập vào năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm

xác lập có hiệu lực nên hôn nhân được xác định là hợp pháp, nay có yêu cầu ly hôn, Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Quá trình anh Q và chị N chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là có sự bất hòa nhau trong đời sống vợ chồng và không tin tưởng lẫn nhau làm cho cuộc sống không hạnh phúc, dẫn đến việc không còn sống chung cùng nhau. Thời gian kéo dài nhưng đôi bên vẫn không tìm được biện pháp hữu hiệu để xoa dịu mâu thuẫn nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, bản thân anh Q cương quyết ly hôn trong khi đó chị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến phản hồi điều đó cho thấy chị N không có thiện chí để hàn gắn. Thực tế, đã có sự vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của anh Q được ly hôn với chị N là đúng với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh Q và chị N có 02 con chung, sau khi ly hôn anh Q yêu cầu nuôi hai con chung, chị N không có ý kiến gì về việc nuôi con và thực tế cháu Lê Hằng N1 và cháu Lê Thiên L có nguyện vọng ở cùng anh Q. Do đó, chấp nhận giao con chung tên Lê Hằng N1 và Lê Thiên L cho anh Q nuôi là đúng theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Q không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng cho con, nên không giải quyết.

Chị N không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về chia tài sản chung, nợ chung: Tại đơn khởi kiện anh Q có yêu cầu chia tài sản chung và chia nợ chung; đến ngày 20/9/2023 và tại phiên tòa anh Q rút lại các yêu cầu này và không đặt ra yêu cầu chia tài sản chung và chia nợ chung; đồng thời, anh Trần Bé Ú và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu anh Q và chị N thanh toán nợ trong cùng vụ án này. Xét thấy, việc rút yêu cầu của anh Q là hoàn toàn tự nguyện; Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của anh Q về việc yêu cầu chia tài sản chung và chia nợ chung. Trường hợp sau này các đương sự có yêu cầu giải quyết sẽ yêu cầu bằng vụ kiện khác.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và đúng quy định, nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Anh Lê Chí Q là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên anh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Phần tạm ứng án phí anh Q đã nộp được khấu trừ.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 3 Điều 218; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Lê Chí Q được ly hôn với chị Nguyễn Mộng N.

2. Về con chung: Anh Q nuôi con tên Lê Hằng N1, sinh ngày 20/11/2011 và Lê Thiên L, sinh ngày 27/7/2015 hiện đang ở cùng anh, về cấp dưỡng cho con anh Q không yêu cầu nên không giải quyết.

Chị N có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của anh Q.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của anh Q về việc yêu cầu chia tài sản chung và chia nợ chung.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch anh Q phải chịu 300.000 đồng, anh Q đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006781 và 681.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006782 cùng ngày 23/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được khấu trừ, phần còn thừa anh Q được nhận lại.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Khánh Hải (Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Việt Xô

